

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Dược ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế: số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 về việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 15/2020/TT-BYT ngày 10/8/2020 về ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá; số 15/2021/TT-BYT ngày 24/9/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 06/2023/TT-BYT ngày 12/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập; số 03/2019/TT-BYT ngày 28/3/2019 về ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp; số

05/2015/TT-BYT ngày 17/3/2015 về ban hành Danh mục thuốc đông y, thuốc từ dược liệu và vị thuốc y học cổ truyền thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn tại Tờ trình số 229/TTr-BVNS ngày 15/11/2023; đề nghị của Sở Y tế tại Báo cáo số 5837/BC-SYT ngày 12 tháng 12 năm 2023 về thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn năm 2024 và Công văn số 5946/SYT-NVD ngày 16/12/2023, kèm các hồ sơ liên quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn năm 2024, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 01: Mua vị thuốc cổ truyền tại Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn năm 2024.
2. Giá gói thầu: 1.060.589.600 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng). Theo từng phần, chi tiết tại phụ lục kèm theo.
3. Nguồn vốn: Nguồn quỹ bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của đơn vị.
4. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
5. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
6. Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2023.
7. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
8. Thời gian thực hiện hợp đồng: Không quá 12 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 2. Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế; Giám

độc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, V_{XNVH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Đầu Thanh Tùng', written in a cursive style.

Đầu Thanh Tùng

Phụ lục
DANH MỤC CÁC MẶT HÀNG THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
		Nhóm 1 gồm 06 mặt hàng (06 phần); tổng giá trị 175.369.000 đồng								
1	Liên tâm	1	Cây mầm lấy từ hạt	<i>Embryo Nelumbinis nuciferae</i>	Sao qua	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	593.250	11.865.000
2	Trần bì	1	Vỏ quả chín	<i>Pericarpium Citri reticulatae perenne</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	173.250	5.197.500
3	Đương quy (dĩ thực)	1	Rễ	<i>Radix Angelicae acutilobae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	100	795.900	79.590.000
4	Xuyên khung	1	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	80	460.950	36.876.000
5	Liên nhục	1	Hạt	<i>Semen Nelumbinis</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	375.275	7.505.500
6	Ba kích	1	Rễ	<i>Radix Morindae officinalis</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	1.144.500	34.335.000
		Nhóm 2 Gồm 44 mặt hàng (44 phần); tổng giá trị: 885.220.600 đồng								
7	Quế chi	2	Cành	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	60	44.520	2.671.200
8	Cúc hoa	2	Hoa, nụ	<i>Flos Chrysanthemi indic</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	637.980	19.139.400
9	Hà thủ ô đỏ	2	Rễ	<i>Radix Fallopieae multiflorae</i>	Chế đậu đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	257.985	12.899.250
10	Độc hoạt	2	Rễ	<i>Herba Elsholiziae ciliatae</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	301.980	6.039.600
11	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	2	Quả	<i>Fructus Xanthii strumarii</i>	Sao cháy gai	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	15	121.800	1.827.000
12	Khuong hoạt	2	Rễ/ thân rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	1.687.140	33.742.800
13	Phòng phong	2	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae</i>	Thái phiến	ĐDVN V	Kg	100	1.505.000	150.500.000

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<i>divaricatae</i>		hoặc TCCS				
14	Can khương	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Zingiberis</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	136.500	1.365.000
15	Bạch biển đậu	2	Hạt	<i>Semen Lablab</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	100.800	1.008.000
16	Kim ngân hoa	2	Nụ hoa có lẫn một số hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	730.000	7.300.000
17	Xích thược	2	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	258.300	5.166.000
18	Táo nhân	2	Nhân của hạt	<i>Semen Ziziphi mauritiana</i>	Sao đen	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	882.000	44.100.000
19	Thảo quyết minh	2	Hạt	<i>Semen Cassiae torae</i>	Sao cháy	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	115.080	3.452.400
20	Viễn chí	2	Rễ	<i>Radix Polygalae</i>	Sao cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	1.594.950	47.848.500
21	Hương phụ	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cyperi</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	30	168.000	5.040.000
22	Sa nhân	2	Quả	<i>Fructus Amomi</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	5	437.850	2.189.250
23	Đào nhân	2	Nhân của hạt	<i>Semen Pruni</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	5	908.250	4.541.250
24	Hồng hoa	2	Hoa, nụ	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	5	914.970	4.574.850
25	Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	2	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Thái phiến	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	90	315.000	28.350.000
26	Ý dĩ	2	Hạt	<i>Semen Coicis</i>	Sao vàng với cám	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	129.990	5.199.600
27	Thương truật	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	908.250	45.412.500

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
28	Bạch thược	2	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae</i>	Vi sao	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	80	280.000	22.400.000
29	Thục địa	2	Rễ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chích rượu, gừng, sa nhân	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	120	487.200	58.464.000
30	Câu kỷ tử	2	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	Sơ chế	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	60	352.800	21.168.000
31	Cẩu tích	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	100.000	5.000.000
32	Cốt toái bồ	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	50	150.000	7.500.000
33	Đỗ trọng	2	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae</i>	Chích muối	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	120	157.000	18.840.000
34	Bạch truật	2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	70	272.000	19.040.000
35	Cam thảo	2	Rễ và thân rễ	<i>Radix Glycyrrhizae</i>	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	70	414.750	29.032.500
36	Đại táo	2	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Sấy	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	100	171.360	17.136.000
37	Đảng sâm	2	Rễ	<i>Radix Codonopsis</i>	Chích gừng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	100	693.000	69.300.000
38	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	2	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei</i>	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	60	407.400	24.444.000
39	Đan sâm	2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae</i>	Chích rượu	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	40	304.500	12.180.000
40	Cát căn	2	Rễ	<i>Radix Puerariae thomsonii</i>	Sao vàng	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	10	126.750	1.267.500
41	Bách bộ	2	Rễ	<i>Radix Stemonaе tuberosae</i>	Chích mật	ĐDVN V hoặc TCCS	Kg	20	178.500	3.570.000

STT	Tên vị thuốc	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Phương pháp chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
42	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/Quy râu)	2	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	100	712.950	71.295.000
43	Mẫu đơn bì	2	Vỏ rễ	<i>Cortex Paeoniae suffruticosae radices</i>	Phức chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	10	523.950	5.239.500
44	Dây đau xương	2	Dây leo	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	68.250	3.412.500
45	Hoài sơn	2	Củ	<i>Tuber Dioscoreae persimilis</i>	Thái phiến	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	134.000	6.700.000
46	Tục đoạn	2	Rễ	<i>Radix Dipsaci</i>	Thái phiến	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	270.000	13.500.000
47	Quế nhục	2	Vỏ thân hoặc cành lớn của cây Quế	<i>Cortex Cinnamomi</i>	Thái phiến	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	20	224.700	4.494.000
48	Câu đằng	2	Thân và cành	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Sơ chế	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	20	298.200	5.964.000
49	Ngưu tất	2	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae</i>	Chích rượu	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	60	350.700	21.042.000
50	Bạch chỉ	2	Rễ	<i>Fructus Viticis</i>	Thái phiến	ĐĐVN V hoặc TCCS	Kg	50	237.300	11.865.000
	Tổng gồm 50 mặt hàng (50 phần).		Tổng giá trị: 1.060.589.600 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm sáu mươi triệu, năm trăm tám mươi chín nghìn, sáu trăm đồng)/.							